

PHIẾU AN TOÀN HOÁ CHẤT

Phiếu An toàn hóa chất	Logo của doanh nghiệp (không bắt buộc)
Tên chất hoặc tên sản phẩm : Nonylphenol ethoxylates	
Số CAS : 9016-45-9 Số UN : 3082 Số đăng ký EC : 500-024-6 Số chỉ thị nguy hiểm của các tổ chức xếp loại : 9 Số đăng ký danh mục Quốc gia khác : chưa có thông tin	

I. NHẬN DẠNG HÓA CHẤT VÀ THÔNG TIN VỀ NHÀ CUNG CẤP

- Tên thường gọi của chất : Nonylphenol ethoxylates	Mã sản phẩm (nếu có) :
- Tên thương mại : Nonylphenol ethoxylates	
- Tên khác: NP9	
- Tên nhà cung cấp hoặc nhập khẩu, địa chỉ: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NGUYỄN PHÁT Địa chỉ: 50/1A đường TL29, Phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 0906669500.	Địa Chỉ Liên Hệ Trong Trường Hợp Khẩn Cấp: CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NGUYỄN PHÁT Địa chỉ: 50/1A đường TL29, Phường An Phú Đông, Thành phố Hồ Chí Minh Điện thoại: 0906669500.
- Tên nhà sản xuất và địa chỉ: JIANGXI NATIVE PRODUCE IMP. EXP. CO., LTD. Room 2403, Unit 1 Buliding 1, No.928 Jinggangshan Avenue, Nanchang, Jiangxi, China	
- Mục đích sử dụng: Hóa chất dung trong ngành dệt, sơn, nông nghiệp ...	

II. THÔNG TIN VỀ THÀNH PHẦN CÁC CHẤT

Tên thành phần nguy hiểm	Số CAS	Công thức hóa học	Hàm lượng (% theo trọng lượng)
Nonylphenol ethoxylates	9016-45-9	$C_{15}H_{23}O.(C_2H_4O)_n$	99%
Nước		H_2O	1%

III. NHẬN DẠNG ĐẶC TÍNH NGUY HIỂM CỦA HÓA CHẤT

1. Mức xếp loại nguy hiểm: (theo số liệu hợp lệ có sẵn của các quốc gia, tổ chức thử nghiệm. Ví dụ: EU, Mỹ, OSHA...) Theo HMIS (Mỹ).

Theo GHS :

Kích ứng da (Cấp 2), H315

Kích ứng mắt (Cấp 2), H319

Các thành phần theo hệ thống GHS:



Cảnh báo : Nguy hiểm

2. Cảnh báo nguy hiểm

H315 Gây kích ứng da.

H319 Gây kích ứng mắt nghiêm trọng.

Các lưu ý phòng ngừa

P264 Rửa sạch da thật kỹ sau khi thao tác với hoá chất.

P280 Đeo găng tay bảo hộ/ bảo vệ mắt/ bảo vệ mặt.

P302 + P352 NẾU DÍNH VÀO DA: Rửa sạch bằng thật nhiều nước.

P305 + P351 + P338 NẾU TIẾP XÚC LÊN MẮT: Rửa cẩn thận bằng nước trong vài phút. Tháo kính áp tròng nếu đang đeo và dễ thực hiện. Tiếp tục rửa.

P332 + P313 Nếu xảy ra hiện tượng kích ứng da: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế.

P337 + P313 Nếu kích ứng mắt tiếp tục kéo dài: Tìm kiếm sự tư vấn/ chăm sóc y tế

IV. BIỆN PHÁP SƠ CỨU VỀ Y TẾ

- 1. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường mắt** (bị văng, dây vào mắt): Lập tức phun một ít nước lên mắt khoảng 15 phút. Thỉnh thoảng nháy mắt. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện
- 2. Trường hợp tai nạn tiếp xúc trên da** (bị dây vào da): Lập tức phun một ít nước trên da để khoảng 15 phút. Rửa sạch với xà phòng khử trùng. Bỏ quần áo và giày bị nhiễm bẩn. Rồi đưa bệnh nhân đến bệnh viện
- 3. Trường hợp tai nạn tiếp xúc theo đường hô hấp** (hít thở phải hóa chất nguy hiểm dạng hơi, khí): Đưa nạn nhân đến nơi có không khí thoáng mát, hô hấp nhân tạo. Nếu không thở được đưa ngay đến bệnh viện
- 4. Trường hợp tai nạn theo đường tiêu hóa** (ăn, uống nuốt nhầm hóa chất): không được cố gắng gây nôn, mửa. Nếu còn tỉnh cho nạn nhân uống nước. Đưa ngay bệnh nhân đến bệnh viện. Không cho bệnh nhân ăn bất cứ gì khi bị bất tỉnh hoặc bị rối loạn.
- 5. Lưu ý đối với bác sĩ điều trị** : điều trị theo triệu chứng

V. BIỆN PHÁP XỬ LÝ KHI CÓ HỎA HOẠN

- 1. Xếp loại về tính cháy** (dễ cháy, rất dễ cháy hoặc cực kỳ dễ cháy, không cháy, khó cháy...): Chất gây ăn mòn mạnh
- 2. Sản phẩm tạo ra khi bị cháy**: các oxit cacbon: CO, CO₂...
- 3. Các tác nhân gây cháy, nổ** (tia lửa, tĩnh điện, nhiệt độ cao, va đập, ma sát...) : có khả năng gây nổ
- 4. Các chất dập cháy thích hợp và hướng dẫn biện pháp chữa cháy, biện pháp kết hợp khác**: CHÁY NHỎ : Sử dụng bột hóa chất khô. CHÁY LỚN : Sử dụng rượu bọt, phun nước hay sương.
- 5. Phương tiện, trang phục bảo hộ cần thiết khi chữa cháy**: trang phục bảo hộ lao động khi chữa cháy
- 6. Các lưu ý đặc biệt về cháy, nổ** (nếu có) : chưa có thông tin

VI. BIỆN PHÁP PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ KHI CÓ SỰ CỐ

1. Trang thiết bị bảo hộ và quy trình ứng phó sự cố:

- Sử dụng trang thiết bị bảo hộ hóa chất (Ủng, găng tay, kính bảo hộ, khẩu trang.....)
- Tránh sự hình thành bụi hóa chất. Đảm bảo thông gió đầy đủ. Sơ tán mọi người đến khu vực an toàn. Tránh hít phải bụi hóa chất.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ ở mức nhỏ:

- Nghiêm cấm các nguồn kích cháy ở gần khu vực tràn đổ, rò rỉ.
- Cách ly khu vực nguy hiểm và không cho nhân viên không phận sự được vào. Cách ly ngay khi có sự cố rò rỉ ra khu vực làm việc.
- Dùng máy hút bụi, chổi, xẻng để thu gom hóa chất dạng bột vào thùng chứa.
- Không để hóa chất thâm nhập vào đất, nguồn nước ngầm, và hệ thống cấp thoát nước.
- Thu gom hóa chất tràn đổ vào thùng chứa. Thiết bị chứa hóa chất tràn đổ được xử lý như một chất thải nguy hại.
- Rửa tay sạch sẽ sau khi hoàn thành công việc.

+ Khi tràn đổ, rò rỉ lớn ở diện rộng:

- Thực hiện như trên. Nếu sự cố ngoài tầm kiểm soát, thì liên hệ cơ quan có thẩm quyền địa phương như: Sở Tài nguyên Môi trường, Sở Công thương, Cảnh Sát Phòng cháy và Chữa cháy, Sở Y Tế để được hướng dẫn phương án xử lý sự cố kịp thời.

2. Các cảnh báo về môi trường: Không để hóa chất thâm nhập vào đất, nước mặt, nước ngầm, mương rãnh, các hệ thống cấp thoát khác.

3. Biện pháp, vật liệu vệ sinh khi xảy ra sự cố.

Vệ sinh vùng hóa chất vừa bị tràn đổ bằng các chất tẩy rửa chuyên dụng và nước. Sau đó lau sạch bằng giẻ lau và cho giẻ lau vào bao chứa riêng biệt rồi cột kín lại. Bao chứa giẻ lau sẽ được xử lý như là một chất thải nguy hại.

VII. YÊU CẦU VỀ SỬ DỤNG BẢO QUẢN

1. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi sử dụng.
 - Khi mở hệ thống chứa hóa chất cần phải mặc áo dài tay, dùng găng tay và kính bảo vệ chống hoá chất, cần thiết cần phải đeo mặt nạ chống độc.
 - Không mặc quần áo nhiễm hóa chất, đưa quần áo nhiễm hóa chất ra xa nguồn phát sinh tia lửa hồ...
 - Sử dụng máy thông hơi mỗi khi sản phẩm này được sử dụng khoảng giới hạn, làm nóng trên nhiệt độ môi trường hoặc bị kích thích. Sử dụng với các dụng cụ sạch và khô. Tránh xa các vật liệu không tương thích.
 - Đặt biển báo “CẤM HÚT THUỐC VÀ CẤM LỬA” nơi khu vực có hóa chất và di chuyển ra xa những vật dễ bén lửa, tránh tia lửa.
 - Trước khi san chiết vào thiết bị chứa phải kiểm tra chất lượng, độ kín, độ sạch và nắp nút. Không được đóng rót, san chiết vào thiết bị còn cặn của một loại sản phẩm khác hoặc có chất bẩn, các dị vật và nước.

2. Biện pháp, điều kiện cần áp dụng khi bảo quản.

Nhiệt độ.

- Nhiệt độ môi trường.

Tồn trữ.

- Các vật chứa hóa chất luôn được đóng chặt kín. Bảo quản trong các thiết bị chứa của nhà sản xuất ban đầu
- Tránh xa các vật liệu không tương thích, nguồn nhiệt và các nguồn gây cháy. Thường xuyên kiểm tra nhiệt độ tại khu vực lưu trữ
- Tem phụ phải được dán đầy đủ và đúng cách
- Các phương tiện chở hóa chất, và các thiết bị chứa khác dùng để bảo quản và vận chuyển phải được chuẩn bị phù hợp với các tiêu chuẩn và các văn bản pháp chế kỹ thuật hiện hành.
- Các phương tiện chứa phải đảm bảo khô, sạch, giữ hoàn toàn kín và để ở nơi mát mẻ, thông thoáng, tránh xa ánh nắng mặt trời rơi trực tiếp vào và các nguồn nhiệt hay vật gây bén lửa khác.

VIII. KIỂM SOÁT PHƠI NHIỄM VÀ YÊU CẦU VỀ THIẾT BỊ BẢO VỆ CÁ NHÂN

1. Các thông số kiểm soát:

- Không chứa các chất có giá trị giới hạn phơi nhiễm nghề nghiệp.

2. Các biện pháp kiểm soát thiết bị phù hợp:

- Sử dụng hệ thống thông gió khi làm việc, khu vực làm việc phải được thông thoáng.

3. Biện pháp và thiết bị bảo hộ cá nhân:

- Đọc kỹ thông tin trên nhãn phụ và bao bì. Nắm rõ đặc tính của hóa chất.
- Bảo vệ mắt: Khuyến cáo dùng thiết bị bảo vệ mắt(mắt kính bảo hộ) để ngăn ngừa khả năng tiếp xúc với mắt. Tùy vào điều kiện sử dụng có thể cần đến mặt nạ phòng độc che mặt.
- Bảo vệ đường hô hấp: Trang bị khẩu trang thang hoạt tính
- Bảo vệ thân thể: Trang bị quần áo chống hóa chất, chống cháy
- Bảo vệ tay: Trang bị găng tay cao su phù hợp
- Bảo vệ chân: Mang giày bảo hộ, ủng cao su thích hợp.
- Bảo vệ môi trường: Không để hóa chất đi vào hệ thống cống rãnh, hệ thống nước ngầm.

IX. ĐẶC TÍNH LÝ, HÓA CỦA HÓA CHẤT

Trạng thái vật lý : Dạng lỏng	Điểm sôi (°C) : chưa có thông tin
Màu sắc : trắng trong suốt	Điểm nóng chảy (°C) : 42-44°C
Mùi đặc trưng : Khó chịu,	Điểm bùng cháy (°C) (Flash point) theo phương pháp xác định Chưa có thông tin
Áp suất hóa hơi (mm Hg) : 18000mmHg (ở 20°C)	Nhiệt độ tự cháy (°C): 383°C

Tỷ trọng hơi (nước = 1) : 0.99-1.07 (77F)	Giới hạn nồng độ cháy, nổ trên (% hỗn hợp với không khí): 12.8%
Độ hòa tan trong nước : tan vô hạn trong nước	Phân bố khu vực bề mặt: 38,7 A ^ 2
Độ PH :5.6	Tỷ lệ hoá hơi : dễ bay hơi
Trọng lượng phân tử: 308.462 g/mol	Các tính chất khác nếu có

X. MỨC ỔN ĐỊNH VÀ KHẢ NĂNG PHẢN ỨNG CỦA HÓA CHẤT

1. Tính ổn định (độ bền nhiệt, độ nhạy với tác nhân ma sát, va đập...): sản phẩm ổn định. Bền hóa học trong môi trường acid loãng, kiềm, muối.

2. Khả năng phản ứng:

- Phản ứng phân hủy và sản phẩm của phản ứng phân hủy; CO₂, CO...
- Tan mạnh trong dung môi phân cực.
- Tránh xa các chất oxy hóa, kiềm mạnh vật liệu và acid mạnh để tránh tỏa nhiệt

phản ứng.

- Sản phẩm phân hủy nguy hiểm :sản phẩm phân hủy nguy hại bao gồm carbon monoxide và carbon dioxide (CO₂).

- Polyme nguy hiểm: polyme hóa nguy hiểm không xảy ra.

XI. THÔNG TIN VỀ ĐỘC TÍNH

Tên thành phần	Loại ngưỡng	Kết quả	Đường tiếp xúc	Sinh vật thử
Nonylphenol ethoxylates	LD50	20000mg/kg	Da	Thỏ
	LC50	76mg/l 4.00giờ	Hô hấp	Chuột

1. Các ảnh hưởng mãn tính với người (Ung thư, độc sinh sản, biến đổi gen...) ảnh hưởng mãn tính, lâu dài có thể gây ung thư, đột biến gen, ảnh hưởng đường sinh sản

2. Các ảnh hưởng độc khác : Gây ô nhiễm mạnh đến môi trường

XII. THÔNG TIN VỀ SINH THÁI

1. Độc tính với sinh vật

Tên thành phần	Loài sinh vật	Chu kỳ ảnh hưởng	Kết quả
Nonylphenol ethoxylates	Cá Fathead Minnow	Chưa có thông tin	Chưa có thông tin

2. Tác động trong môi trường

- Mức độ phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Chỉ số BOD và COD: chưa có thông tin
- Sản phẩm của quá trình phân hủy sinh học: chưa có thông tin
- Mức độc tính của sản phẩm phân hủy sinh học: chưa có thông tin

XIII. THÔNG TIN VỀ THẢI BỎ

- 1. Thông tin quy định tiêu hủy :** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm
- 2. Xếp loại nguy hiểm của chất thải:** chưa có thông tin
- 3. Biện pháp tiêu hủy:** Phải tuân thủ các quy định về chất thải nguy hiểm
- 4. Sản phẩm của quá trình tiêu hủy, biện pháp xử lý:** chưa có thông tin

XIV. THÔNG TIN KHI VẬN CHUYỂN

Tên quy định	Số UN	Tên vận chuyển đường biển	Loại, nhóm hàng nguy hiểm	Quy cách đóng gói	Nhãn vận chuyển	Thông tin bổ sung
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm của Việt Nam: - Nghị định số 34/2024/NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thuỷ nội địa - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	3082	Chất gây nguy hại môi trường, dạng lỏng, n.o.s.	9	III		
Quy định về vận chuyển hàng nguy hiểm quốc tế của EU, USA...	3082	Environmentally hazardous substance, liquid, n.o.s.	9	III		

XV. THÔNG TIN VỀ PHÁP LUẬT

- 1. Tình trạng khai báo, đăng ký ở các quốc gia khu vực trên thế giới:** Khai báo theo phiếu mua bán kiểm soát chất độc và cam kết sử dụng đúng mục đích.
- 2. Phân loại nguy hiểm theo quốc gia khai báo, đăng ký:** 9
- 3. Quy chuẩn kỹ thuật tuân thủ:** - Luật Hóa chất số 06/2007/QH12 ngày 21/11/2007;
- Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;
- Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28/12/2017 của Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09/10/2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

- Nghị định số 71/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hóa chất và vật liệu nổ công nghiệp...
 - Nghị định 82/2022 ngày 18 tháng 10 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
 - Thông tư 17/2022- BCT ngày 27 tháng 10 năm 2022 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất
 - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 05A:2020/BCT về an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng bảo quản, vận chuyển hóa chất nguy hiểm và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp.
 - Nghị định số 34/2024 NĐ-CP ngày 31/03/2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm và vận chuyển hàng nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và việc vận chuyển hàng hoá nguy hiểm trên đường thủy nội địa
 - Nghị định số 161/2024/NĐ-CP của Chính phủ: Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ
- Và các quy định pháp luật liên quan đến lĩnh vực hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

XVI. THÔNG TIN CẦN THIẾT KHÁC

Ngày tháng biên soạn Phiếu : 10/12/2024

Ngày tháng sửa đổi, bổ sung gần nhất: 11/07/2025

Tên tổ chức, cá nhân soạn thảo: **CÔNG TY TNHH CÔNG NGHIỆP NGUYỄN PHÁT**

Lưu ý người đọc:

Những thông tin trong Phiếu an toàn hoá chất này được biên soạn dựa trên các kiến thức hợp lệ và mới nhất về hoá chất nguy hiểm và phải được sử dụng để thực hiện các biện pháp ngăn ngừa rủi ro, tai nạn.

Hoá chất nguy hiểm trong Phiếu này có thể có những tính chất nguy hiểm khác tùy theo hoàn cảnh sử dụng và tiếp xúc.